Số: 641/QĐ-SYT
Thời gian ký: 18/11/2023 14:10:38 +07:00

PHỤ LỤC: DANH MỤC CHI TIẾT HÀNG HÓA

(Kèm theo Quyết định số 641 /QĐ-SYT ngày 18 tháng 11 năm 2023 của Sở Y tế Bình Phước)

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền
1	Lidocain hydroclorid khan (dưới dạng Lidocain hydroclorid monohydrat	nhóm 1	2%	Dùng ngoài	Gel	Tuýp	120	66,720	8,006,400
2	Aluminum phosphat	nhóm 1	20%; 12,38gr	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói	10,000	3,751	37,510,000
3	Alfuzosin HCL	nhóm 1	10mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	5,000	15,291	76,455,000
4	Fenofibrat	nhóm 1	200mg	Uống	viên	Viên	6,000	7,053	42,318,000
5	Ofloxacin	nhóm 1	0,3% x 5ml	nhỏ mắt	nhỏ mắt	lọ	1,000	52,900	52,900,000
6	Levofloxacin	nhóm 1	15mg/ml x 5ml	nhỏ mắt	nhỏ mắt	lọ	500	115,999	57,999,500
7	Acid amin	nhóm 1	5% x 500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm	Chai	500	117,000	58,500,000
8	Bisoprolol fumarat	nhóm 2	2,5mg	Uống	viên	Viên	60,000	450	27,000,000
9	Diosmin	nhóm 2	600mg	Uống	viên	Viên	15,000	5,000	75,000,000
10	Gabapentin	Nhóm 3	300mg	Uống	viên	Viên	30,000	2,793	83,790,000
11	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate) 250mg + Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate) 31,25mg	nhóm 3	250mg + 31,25mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	20,000	3,117	62,340,000
12	Celecoxib	nhóm 3	200mg	Uống	Viên nang	Viên	20,000	2,400	48,000,000

13	Amikacin (dưới dạng Amikacin sulfat)	nhóm 4	500mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	2,000	6,298	12,596,000
14	Drotaverin clohydrat	nhóm 4	40mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	500	2,130	1,065,000
15	Diclofenac natri	nhóm 4	75mg/3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	ống	3,000	800	2,400,000
16	Ringer lactat	nhóm 4	500ml	Tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai nhựa	3,000	7,800	23,400,000
17	Natri clorid	nhóm 4	0,9%/500ml	Tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai nhựa	20,000	6,498	129,960,000
18	Natri clorid	nhóm 4	3%/100ml	Tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai nhựa	1,500	8,190	12,285,000
19	Natri clorid	nhóm 4	0,9% /100ml	Tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai nhựa	3,000	6,290	18,870,000
20	Natri clorid	nhóm 4	0,9% /10ml	nhỏ mắt	nhỏ mắt	lọ	2,000	1,320	2,640,000
21	Nước cất pha tiêm	nhóm 4	5ml	Tiêm	Dung môi pha tiêm	Ống	40,000	400	16,000,000
22	Giải độc tố uốn ván tinh chế	nhóm 4	40IU/0,5ml	Tiêm	Tiêm	ống	200	13,440	2,688,000
23	Saccharomyces boulardii	nhóm 4	2,26 x 10 mũ 9 CFU	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	6,000	3,570	21,420,000
24	Cytidin monophosphat disodium + Uridin monophosphat disodium	nhóm 4	5mg + 3mg	Uống	Viên nang	viên	12,000	3,850	46,200,000
25	Methyldopa	nhóm 4	250mg	Uống	viên	viên	20,000	550	11,000,000
26	Nifedipin	nhóm 4	20mg	Uống	viên	viên	20,000	450	9,000,000
27	Isosorbid-5-mononitrat	nhóm 4	60mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	15,000	1,953	29,295,000
	Cộng: 27 khoản	Chín trăm sáu mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm đồng chẵn							**968,637,900**